

Số: 1337/QĐ-CBQLGDHCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận tốt nghiệp và cấp Chứng chỉ cho học viên
Lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Trung học Cần Thơ,
năm học 2017 - 2018**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT, ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-CBQLGDHCM, ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. HCM về việc ban hành Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và khen thưởng học viên các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp và cấp chứng chỉ các khoá bồi dưỡng của Trường, ngày 29 tháng 12 năm 2017;

Theo đề nghị Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ cho cho 72 học viên lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Trung học Cần Thơ, năm học 2017 - 2018, học từ 03/07/2017 đến 18/9/2017 tại Sở GD-ĐT Cần Thơ (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thi hành);
- Sở GD-ĐT Cần Thơ (để biết);
- Lưu: Đào tạo, Văn thư.

**HIỆU TRƯỞNG**
PGS.TS. Hà Thanh Việt

DANH SÁCH HỌC VIÊN
LỚP BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG TRUNG HỌC CẦN THƠ,
NĂM HỌC 2017 – 2018 ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ
(Kèm theo Quyết định số: 1337/QĐ CBQLGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2017)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH (Tỉnh/TP)	ĐIỂM	XẾP LOẠI	SỐ HIỆU VCCC
1	PHAN THỊ THU AN	1988	Cần Thơ	8.6	Khá	QLPT/06506
2	NGUYỄN THỊ ANH	1980	Hà Tĩnh	8.2	Khá	QLPT/06507
3	LÊ MINH CHÂU	1987	Cửu Long	8.6	Khá	QLPT/06508
4	LÊ PHẠM QUẾ CHI	1989	Cần Thơ	8.6	Khá	QLPT/06509
5	NGUYỄN THẾ CHIẾN	1984	Đồng Tháp	8.6	Khá	QLPT/06510
6	TRẦN VĂN CHƯƠNG	1991	Ninh Bình	8.5	Khá	QLPT/06511
7	ĐÔNG ANH ĐÀO	1972	Cần Thơ	8.9	Khá	QLPT/06512
8	NGUYỄN HUY ĐẠT	1986	Cần Thơ	8.0	Khá	QLPT/06513
9	VÕ TIẾN ĐẠT	1986	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06514
10	NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM	1982	Hậu Giang	8.3	Khá	QLPT/06515
11	NGUYỄN THỊ THU DIỄN	1980	Cần Thơ	8.2	Khá	QLPT/06516
12	VÕ THỊ KIÊM DIỆU	1979	An Giang	8.1	Khá	QLPT/06517
13	NGUYỄN THỊ KIM ĐỊNH	1975	Minh Hải	9.0	Giỏi	QLPT/06518
14	LÊ THỊ MỸ DUNG	1981	Cần Thơ	8.9	Khá	QLPT/06519
15	LÊ TUẤN GIANG	1983	Cần Thơ	7.7	Trung Bình	QLPT/06520
16	TRẦN NGỌC GIÀU	1981	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06521
17	TRẦN THỊ THANH HÀ	1979	Cần Thơ	8.4	Khá	QLPT/06522
18	PHẠM VĂN HẢI	1965	Cần Thơ	8.2	Khá	QLPT/06523
19	LÊ THỊ DIỄM HẰNG	1978	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06524
20	VŨ THỊ MAI HIỀN	1979	Nam Định	8.2	Khá	QLPT/06525
21	LÊ NGỌC HIẾU	1982	Kiên Giang	8.3	Khá	QLPT/06526
22	VÕ THỊ MAI HOA	1971	Hà Tĩnh	8.0	Khá	QLPT/06527
23	TRẦN QUANG HOÀNG	1982	Vĩnh Long	7.8	Khá	QLPT/06528
24	NGUYỄN VĂN HOÀNG	1977	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06529

TRƯỜNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC TP. HỒ CHÍ MINH

2

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	NƠI SINH (Tỉnh/TP)	ĐIỂM	XẾP LOẠI	SỐ HIỆU VCCC
25	TRẦN QUANG	HỒNG	1975	Hà Tĩnh	8.4	Khá	QLPT/06530
26	VƯƠNG CHÍ	HÙNG	1969	TP.HCM	7.9	Khá	QLPT/06531
27	NGUYỄN PHÚC	HÙNG	1973	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06532
28	TRẦN THỊ NGỌC	HƯƠNG	1976	Cần Thơ	8.6	Khá	QLPT/06533
29	ĐÀO THANH	HUYỀN	1978	An Giang	8.0	Khá	QLPT/06534
30	ĐẶNG THỊ	LAN	1977	Sóc Trăng	8.2	Khá	QLPT/06535
31	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LIÊN	1981	Vĩnh Phúc	8.5	Khá	QLPT/06536
32	NGUYỄN DUY	LINH	1980	Cần Thơ	8.6	Khá	QLPT/06537
33	DƯƠNG THỊ NGỌC	LOAN	1979	Cần Thơ	8.4	Khá	QLPT/06538
34	TRƯƠNG THANH	NGA	1979	Vĩnh Long	8.6	Khá	QLPT/06539
35	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGÂN	1978	Đồng Tháp	8.2	Khá	QLPT/06540
36	HUỲNH THỊ THÁI	NGÂN	1985	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06541
37	TRẦN THỊ BÍCH	NGÂN	1987	Hậu Giang	8.1	Khá	QLPT/06542
38	NGUYỄN HẬU	NGHĨA	1980	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06543
39	ĐOÀN HỮU	NGHIÊM	1971	Đồng Tháp	8.5	Khá	QLPT/06544
40	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	1974	Cần Thơ	7.8	Khá	QLPT/06545
41	TRƯƠNG VĂN	NHÂN	1981	Cần Thơ	7.8	Khá	QLPT/06546
42	TRƯƠNG HOÀNG	NHỈ	1984	Cần Thơ	7.9	Khá	QLPT/06547
43	TRẦN THỊ	NHUNG	1979	Hậu Giang	8.7	Khá	QLPT/06548
44	ĐỖ THANH	PHONG	1980	Hậu Giang	8.3	Khá	QLPT/06549
45	NGUYỄN QUỐC	PHONG	1979	Cần Thơ	8.2	Khá	QLPT/06550
46	PHAN HOÀI	PHONG	1985	Cần Thơ	7.9	Trung Bình	QLPT/06551
47	PHẠM SĨ	PHÚC	1982	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06552
48	HOÀNG THỊ HỒNG	PHƯỢNG	1976	Thanh Hóa	8.4	Khá	QLPT/06553
49	TRẦN THỊ BÉ	SÁU	1979	Cần Thơ	8.2	Khá	QLPT/06554
50	LƯƠNG THỊ	SIÊN	1972	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06555
51	TRẦN VĂN	SƠN	1986	Cần Thơ	7.9	Khá	QLPT/06556
52	LÊ THANH	TÂM	1979	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06557
53	THÁI MINH	TÂM	1981	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06558
54	NGUYỄN PHƯỚC	THẮNG	1984	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06559

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH (Tỉnh/TP)	ĐIỂM	XẾP LOẠI	SỐ HIỆU VCCC
55	ĐÀO VĂN LÝ THÀNH	1975	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06560
56	LÊ VÕ PHƯƠNG THẢO	1986	Cần Thơ	8.8	Khá	QLPT/06561
57	VÕ CHÍ THỨC	1979	Cần Thơ	8.2	Khá	QLPT/06562
58	LÊ THỊ THÚY	1983	Cần Thơ	8.0	Khá	QLPT/06563
59	NGUYỄN THỊ DIỄM	1980	Hậu Giang	9.1	Giỏi	QLPT/06564
60	PHAN HOÀI THỦY	1979	Cần Thơ	7.8	Khá	QLPT/06565
61	LÊ HỮU TOÀN	1985	Cần Thơ	8.3	Khá	QLPT/06566
62	LÊ MINH TÔN	1979	Cần Thơ	7.9	Khá	QLPT/06567
63	NGUYỄN NGỌC TRÂN	1978	Hậu Giang	8.3	Khá	QLPT/06568
64	ĐẶNG THỊ THU TRANG	1984	Cần Thơ	7.5	Khá	QLPT/06569
65	NGUYỄN THÙY TRANG	1988	Cần Thơ	8.0	Khá	QLPT/06570
66	ĐỖ PHƯỚC TRỌNG	1983	Hậu Giang	7.6	Trung Bình	QLPT/06571
67	TRẦN ANH TUẤN	1981	Cần Thơ	8.5	Khá	QLPT/06572
68	TRƯƠNG HỒNG NGỌC	1979	Cần Thơ	8.2	Khá	QLPT/06573
69	HUỲNH HỮU VĂN	1985	Cần Thơ	8.0	Khá	QLPT/06574
70	BÙI QUỐC VIỆT	1978	Cần Thơ	8.4	Khá	QLPT/06575
71	HUỲNH VĂN VÕ	1976	Bạc Liêu	8.8	Khá	QLPT/06576
72	TRẦN MINH XUÂN	1974	An Giang	8.8	Khá	QLPT/06577

Danh sách có 72 học viên *h*
(Giỏi: 02 hv; Khá: 67hv; TrB: 03hv)



HIỆU TRƯỞNG *nh*

PGS.TS. Hà Thanh Việt